

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Thực hành nghề nghiệp 1

Mã học phần: 000832

Hệ đào tạo: Đại học chính qui **Ngành đào tạo:** Quản trị kinh doanh

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 60

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	03	00	57	0	300

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh.

2. **Thông tin về các giảng viên/đơn vị phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

❖ Về kiến thức

- MT1: Xác định được chức năng, nhiệm vụ cụ thể của tất cả các bộ phận trong đơn vị.
- MT2: Biết được các quy định, nội quy của đơn vị.
- MT3: Hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, tác phong trong công sở.
- MT4: Hiểu được quy trình quản trị thực tế tại các đơn vị.
- MT5: Xác định được vấn đề tồn tại ở các đơn vị. Từ đó đưa ra giải pháp khắc phục hiệu quả.
- MT6: Tổng hợp được các kiến thức của ngành quản trị kinh doanh trong công tác quản trị doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng

- MT7: Ứng dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể.

- MT8: Vận dụng các phương pháp luận để thu thập thông tin, số liệu và khảo sát các đối tượng có liên quan.

❖ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT9: Hình thành tác phong chuyên nghiệp; Học tập sáng tạo, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.
- MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.
- MT11: Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
000832	Thực hành nghề nghiệp 1	0	3	3	3	3	3	3	3
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		3	3	3	3	3	3	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT4	CO1	Hiểu và xác định được quy trình vận hành, sản xuất của đơn vị. Từ đó ứng dụng vào hoạt động cải tiến quy trình của đơn vị	PO2, PO5, PO7, PO14
MT1 MT2 MT3	CO2	Hiểu rõ các quy định của đơn vị, chấp hành theo quy định; sống có trách nhiệm với công việc và xã hội	PO16
Kỹ năng			
MT6 MT7	CO3	Biết và vận dụng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ trong văn hóa công sở	PO8, PO13
MT6	CO4	Tự tin trong công việc liên quan đến quản trị kinh doanh, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, hiểu biết văn hóa của đơn vị	PO9, PO10, PO11, PO14, PO15
MT6 MT7 MT8	CO5	Hiểu và ứng dụng kiến thức về quản trị kinh doanh để xác định vấn đề tồn tại trong đơn vị. Từ đó đề xuất giải pháp cải tiến	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO11, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11	CO6	Nhận thức tầm quan trọng của hoạt động học tập tại đơn vị. Hình thành tác phong công sở. Tự tin trong công việc và hình thành ý thức học tập suốt đời.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” là học phần bắt buộc, người học phải liên hệ với các đơn vị đang hoạt động trong nền kinh tế để vào học tập thực tế; tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh; xác định vấn đề đơn vị đang gặp phải và đưa ra giải pháp phù hợp. Học phần này giúp người học tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học và liên hệ với thực tiễn, tiếp xúc với môi trường thực tế đang hoạt động. Từ đó góp phần nâng cao ý thức học tập và định hướng cho tương lai của người học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Bài báo cáo học phần	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: nghe giảng viên phổ biến về quy định, hình thức, nội dung thực hiện học phần.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài.
- Liên hệ đơn vị thực tập: sinh viên phải tìm đơn vị thực tập để thực hiện đề tài.
- Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định.
- Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo.
- Hoàn thành bài báo cáo: sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Cấu trúc – Hình thức trình bày	25	- Quy định trình bày chuyên đề, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp của Trường. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO3	10
2	Nội dung đề tài	60	- Chất lượng sản phẩm giao nộp. - Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO1, CO2, CO4, CO5	10
3	Thái độ	15	- Theo Rubric đánh giá học phần “Thực hành nghề nghiệp 1” của Khoa Kinh tế.	CO3, CO6	10

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO HỌC PHẦN "THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 1" NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
1	Cấu trúc - Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức thiếu logic. Có vài đoạn trong bài có tính mạch lạc nhưng thiếu tính thống nhất. Có nhiều lỗi đáng kể. • Hình thức trình bày không đúng quy định của Trường, còn nhiều lỗi chính tả; nhiều lỗi đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo chưa đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức mạch lạc, tương đối hợp lý. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý nhưng còn một số chỗ chưa thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức phù hợp, trình bày theo cấu trúc quy định. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường, nhưng vẫn còn một số lỗi chính tả, đánh máy; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. • Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bài viết tổ chức phù hợp, logic, trình bày theo cấu trúc quy định, phù hợp với đề tài. • Hình thức trình bày đúng quy định của Trường; cách ghi tài liệu tham khảo hợp lý theo quy định. • Hình thức trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu hợp lý; Cách đặt tên các bảng biểu, hình ảnh phù hợp. 	2.5	
2	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> • Không thể hiện được mục tiêu của đề tài; Chưa xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. • Không xác định được phương pháp nghiên cứu cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu không phù hợp với đề tài. • Chưa tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề tồn tại của đơn vị. • Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. • Xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp cho đề tài. • Đối tượng nghiên cứu phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. • Phân tích vấn đề dựa 	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày đầy đủ mục tiêu của đề tài; xác định được các vấn đề cần nghiên cứu. • Xác định phương pháp nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Đối tượng nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với đề tài. • Tổng hợp được đầy đủ các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài. • Có phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. 	6.0	

STT	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)	Điểm đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> Chưa phân tích và làm rõ các vấn đề có liên quan đến môi trường vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề không dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp không phù hợp đối với đơn vị. Vấn đề nghiên cứu không đáp ứng được mục tiêu đặt ra. 	<ul style="list-style-type: none"> vi mô, vĩ mô. Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa phù hợp. Từ đó đưa ra các giải pháp chưa thật sự phù hợp. Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được một phần mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp với đề tài nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được khá đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. Đánh giá được một phần thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân tích vấn đề dựa trên cơ sở lý luận. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn toàn phù hợp với đề tài nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu đáp ứng được đầy đủ mục tiêu đặt ra. Làm rõ được lý do chọn đề tài nghiên cứu. Đánh giá đúng thực trạng của đơn vị. Từ đó đề xuất phương án cải tiến phù hợp. 		
3	Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực hành đánh giá chưa cao về người học; Thái độ không tích cực khi đến đơn vị học tập. Không liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Không sửa bài theo góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo trễ hạn quy định. Không nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ khá tích cực khi đến đơn vị thực tập. Có liên hệ Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên nhưng sửa sơ sài. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá tốt về người học; Thái độ tích cực khi đến đơn vị thực tập. Có liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Có sửa bài theo góp ý của Giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức khá cao về tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị tiếp nhận thực tập đánh giá rất tốt về người học; Có thái độ rất tích cực khi đến đơn vị thực tập. Chịu khó hỏi. Liên hệ thường xuyên với Giảng viên hướng dẫn trong thời gian thực tập; Chính sửa bài báo cáo theo đúng ý kiến góp ý của giảng viên. Nộp bài báo cáo đúng thời gian quy định. Nhận thức rất tốt về tầm quan trọng của hoạt động học tập thực hành tại đơn vị. 	1.5	

10. Học liệu

Căn cứ vào đề tài, sinh viên lựa chọn tài liệu tham khảo cho phù hợp với đề tài.

11. Nội dung chi tiết học phần

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên thống nhất chọn đề tài cho phù hợp với lĩnh vực mà người học có khả năng thực hiện.
- Các đề tài sinh viên lựa chọn bao gồm tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế có liên quan đến chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đơn vị học tập thực tế: Đa dạng các loại hình doanh nghiệp; các đơn vị, các tổ chức, các cơ quan, ban ngành.

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: tăng âm.
- Sinh viên phải nộp bài báo cáo khi kết thúc học phần.

13. Thời gian thực hiện học phần

Trong học kỳ 7 của chương trình đào tạo. Thời gian cụ thể theo kế hoạch của Khoa.

Cần Thơ, ngày 06 tháng 8 năm 2018

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Trung Chuyên

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Tri Khiêm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



NGND.GS.TS. Võ Tòng Xuân